

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 103/2008/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**về việc ban hành Quy chế bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia
do Cục Dự trữ quốc gia trực tiếp quản lý****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Pháp lệnh dự trữ quốc gia số 17/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2004;

Căn cứ Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02/12/2004 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Chỉ thị số 18/2006/CT-TTg ngày 15/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 270/2003/QĐ-TTg ngày 24/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Dự trữ quốc gia;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia do Cục Dự trữ quốc gia trực tiếp quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công

báo. Bãi bỏ Quyết định số 31/2004/QĐ-BTC ngày 06/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đấu thầu mua, bán hàng dự trữ quốc gia và Quyết định số 21/2005/QĐ-BTC ngày 07/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi Quy chế đấu thầu mua, bán hàng dự trữ quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BTC ngày 06/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 3. Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia, Vụ trưởng Vụ tài vụ quản trị, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Sỹ Danh

QUY CHẾ

bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia do Cục Dự trữ quốc gia trực tiếp quản lý
(ban hành kèm theo Quyết định số 103/2008/QĐ-BTC
ngày 12/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về trình tự, thủ tục bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia do Cục Dự trữ quốc gia trực tiếp quản lý (sau đây gọi là hàng dự trữ quốc gia).

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hàng dự trữ quốc gia: bao gồm vật tư, thiết bị, lương thực và các loại hàng hóa khác do Cục Dự trữ quốc gia trực tiếp quản lý.

2. Một đơn vị tài sản bán đấu giá là khối lượng hàng dự trữ quốc gia cùng danh mục chủng loại, ký mã hiệu, quy cách, chất lượng, địa điểm và thời gian nhập kho.

Đối với lương thực, một đơn vị tài sản tối thiểu là một ngăn kho, lô hàng; đối với vật tư, thiết bị, một đơn vị tài sản tối thiểu là một lô hàng (đối với hàng rời, chất rắn, chất lỏng) hoặc một sản phẩm hoàn chỉnh, đồng bộ (đối với trang thiết bị, máy móc, phương tiện).

Đơn vị tài sản bán đấu giá được tính theo đơn vị đo lường hợp pháp và tài liệu sổ sách kế toán.

3. Cuộc bán đấu giá là việc thực hiện đấu giá trực tiếp theo một trình tự được quy định cụ thể để lựa chọn người mua hàng trên cơ sở bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch.

4. Người có tài sản bán đấu giá là Dự trữ quốc gia khu vực được Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia giao nhiệm vụ xuất bán hàng dự trữ quốc gia do đơn vị trực tiếp quản lý.

5. Bước giá là mức chênh lệch giữa giá khởi điểm của vòng đấu tiếp theo với giá đã trả cao nhất của vòng đấu liền kề trước đó.

6. Vòng đấu giá là thời gian từ khi người điều hành cuộc bán đấu giá tài sản

đưa ra yêu cầu và người tham gia đấu giá tài sản trả giá.

Điều 3. Nguyên tắc bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia

1. Việc bán đấu giá được thực hiện công khai, liên tục và không hạn chế số vòng đấu, bình đẳng, trung thực, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

2. Cuộc bán đấu giá chỉ được tiến hành khi có từ hai tổ chức, cá nhân trở lên đăng ký tham gia đấu giá.

3. Hàng dự trữ quốc gia được đấu giá theo một đơn vị tài sản bán đấu giá.

4. Phải đảm bảo an toàn, bí mật hàng dự trữ quốc gia đang bảo quản trong kho dự trữ.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Kế hoạch bán đấu giá

1. Căn cứ quyết định giao nhiệm vụ xuất bán hàng của Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia, Dự trữ quốc gia khu vực tổ chức thực hiện bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia theo đúng quy định.

2. Nội dung của kế hoạch bán đấu giá, bao gồm:

- Phân chia số lượng hàng dự trữ quốc

gia xuất bán thành các đơn vị tài sản bán đấu giá;

- Giá khởi điểm (không có thuế giá trị gia tăng) và khoản tiền đặt trước của một đơn vị tài sản bán đấu giá;

- Người bán đấu giá;

- Địa điểm tổ chức cuộc bán đấu giá;

- Thời gian tổ chức cuộc bán đấu giá của từng đơn vị tài sản bán đấu giá;

- Thời hạn, phương thức thanh toán tiền;

- Địa điểm, thời hạn và phương thức giao hàng;

- Các vấn đề khác có liên quan.

Điều 5. Giá khởi điểm, giá bán hàng dự trữ quốc gia

1. Giá khởi điểm của một đơn vị tài sản bán đấu giá

Giá khởi điểm bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia được xác định theo Thông tư số 34/2005/TT-BTC ngày 12/5/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chuyển giao tài sản bán đấu giá (sau đây gọi tắt là Thông tư số 34/2005/TT-BTC) và Thông tư số 13/2007/TT-BTC ngày 06/3/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 34/2005/TT-BTC; cụ thể như sau:

a) Dự trữ quốc gia khu vực căn cứ k

hoạch bán hàng dự trữ quốc gia được giao, kết quả khảo sát giá thị trường, ý kiến tham gia bằng văn bản của Sở Tài chính nơi có hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá (đối với lương thực) hoặc thuê Tổ chức có chức năng thẩm định giá hoặc định giá theo quy định của pháp luật xác định giá (đối với vật tư, thiết bị) để làm cơ sở lập phương án giá (bao gồm cả đơn giá) của từng loại hàng, gửi Cục Dự trữ quốc gia xem xét tổng hợp, gửi Cục Quản lý giá thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định giá giới hạn tối thiểu.

Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia căn cứ giá giới hạn tối thiểu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định để quyết định giá khởi điểm của một đơn vị tài sản bán đấu giá, giao Dự trữ quốc gia khu vực thực hiện.

Giám đốc Dự trữ quốc gia khu vực căn cứ quyết định giá khởi điểm của Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia quyết định phê duyệt kế hoạch bán đấu giá và ký kết hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản với Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật hoặc giao Hội đồng bán đấu giá tài sản của đơn vị thực hiện.

Trước thời điểm cuộc bán đấu giá, nếu giá thị trường có biến động (tăng hoặc giảm) so với giá khởi điểm đã thông báo,

Dự trữ quốc gia khu vực có trách nhiệm báo cáo Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia xem xét, quyết định điều chỉnh giá khởi điểm, thông báo cho Dự trữ quốc gia khu vực, Tổ chức bán đấu giá được ủy quyền hoặc Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia để thông báo cho người đã đăng ký tham gia đấu giá trước lúc mở cuộc bán đấu giá. Nếu người đã đăng ký tham gia đấu giá không chấp nhận việc điều chỉnh giá khởi điểm của một đơn vị tài sản bán đấu giá thì được hoàn trả lại tiền mua hồ sơ đấu giá và khoản tiền đã đặt trước (nếu đã nộp).

b) Giá khởi điểm của một đơn vị tài sản hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá của các vòng đấu giá tiếp theo được xác định theo nguyên tắc sau đây:

Mức giá cao nhất của người đã trả giá ở vòng liền kề trước đó (không thấp hơn giá khởi điểm của vòng đấu đó) cộng (+) thêm một bước giá.

Tùy theo từng loại hàng dự trữ xuất bán, người bán đấu giá theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này sẽ quy định bước giá cụ thể áp dụng cho từng cuộc bán đấu giá, nhưng tối đa không quá 1% của giá khởi điểm của vòng đấu đầu tiên.

2. Giá bán

Là giá trúng đấu giá, được ghi trong Biên bản bán đấu giá tài sản tại vòng đấu

cuối cùng của cuộc bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Người bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia

1. Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản hoặc Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản (sau đây gọi là Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản) được Dự trữ quốc gia khu vực ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản.

Trường hợp có từ hai tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản trở lên nhận bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia thì đơn vị có tài sản bán đấu giá căn cứ năng lực, kinh nghiệm, thời gian hoạt động, mức thu phí bán đấu giá... để lựa chọn người bán đấu giá.

2. Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia được Dự trữ quốc gia khu vực quyết định thành lập (sau đây gọi là Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia) trong các trường hợp sau:

a) Bán hàng dự trữ quốc gia có giá trị dưới 10 triệu đồng;

b) Sau thời gian 10 ngày kể từ ngày Dự trữ quốc gia khu vực thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật nhận bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia. Khi đó, Giám đốc Dự trữ quốc gia khu

vực báo cáo Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia cho phép thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản của đơn vị. Trường hợp này, Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia thực hiện bán đấu giá theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Người tham gia đấu giá hàng dự trữ quốc gia

1. Người tham gia đấu giá hàng dự trữ quốc gia là tổ chức, cá nhân và phải đảm bảo có đủ các điều kiện sau:

a) Phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có ngành nghề phù hợp với mặt hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá, đã nộp thuế môn bài theo quy định (đối với tổ chức).

Chứng minh thư nhân dân và bảo lãnh của Ngân hàng tối thiểu bằng 50% giá trị tài sản bán đấu giá (đối với cá nhân).

b) Có khả năng về tài chính để mua tài sản bán đấu giá;

c) Phải chấp nhận giá khởi điểm của đơn vị tài sản bán đấu giá;

d) Cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia, quy định bán đấu giá đối với đơn vị tài sản mà mình tham gia đấu giá.

Mỗi tổ chức, cá nhân được đăng ký tham gia đấu giá một hoặc nhiều đơn vị tài sản bán đấu giá.

2. Các trường hợp không được tham gia đấu giá

a) Các trường hợp được quy định tại Điều 13 Nghị định số 05/2005/NĐ-CP;

b) Cơ quan, đơn vị và cán bộ công chức thuộc, trực thuộc Cục Dự trữ quốc gia không được tham gia đấu giá mua hàng dự trữ quốc gia dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 8. Hồ sơ đăng ký của người tham gia đấu giá

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua hàng dự trữ quốc gia phải làm thủ tục đăng ký tham gia đấu giá. Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá hàng dự trữ quốc gia của người tham gia đấu giá phải nộp đúng địa điểm và trong thời hạn quy định của thông báo đấu giá.

Hồ sơ tham gia đấu giá hàng dự trữ quốc gia gồm:

a) Đối với tổ chức:

- Đơn đăng ký tham gia đấu giá;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền) phù hợp với mặt hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá;
- Giấy giới thiệu người đại diện cho tổ chức đăng ký tham gia đấu giá;
- Có một trong các giấy tờ sau (bản photo): Giấy chứng minh nhân dân, Giấy

chứng minh quân đội nhân dân, Giấy chứng minh An ninh nhân dân, Giấy chứng nhận cảnh sát nhân dân hoặc Giấy chứng nhận theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng của người đại diện cho tổ chức;

- Xác nhận của tổ chức bán đấu giá về khoản tiền đặt trước đã nộp;

b) Đối với cá nhân (bao gồm cả liên danh giữa các cá nhân):

- Đơn đăng ký tham gia đấu giá;
- Bản photo Giấy chứng minh nhân dân;
- Đăng ký hoạt động ngành nghề phù hợp với hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá;
- Xác nhận của tổ chức bán đấu giá về khoản tiền đặt trước đã nộp;

2. Mỗi tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá phải nộp một khoản phí đấu giá (không được hoàn lại) theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục II Thông tư số 96/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá (sau đây gọi tắt là Thông tư số 96/2006/TT-BTC).

Điều 9. Hình thức đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc bán đấu giá, thời hạn tổ chức và thành phần tham dự cuộc bán đấu giá

1. Hình thức đấu giá: hình thức bỏ phiếu kín theo vòng;

Vòng đấu giá cuối cùng là vòng đấu khi tất cả những người tham gia đấu giá tự nguyện từ chối bỏ phiếu vòng đấu tiếp theo. Người trả giá cao nhất nhưng phải đảm bảo mức giá đã trả ít nhất bằng giá khởi điểm tại vòng đấu cuối cùng là người mua được hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá.

Trong trường hợp có từ hai người trở lên cùng trả một giá cao nhất thì những người này phải tiếp tục tham gia đấu giá cho đến khi có một người trả giá cao nhất và đảm bảo mức giá đã trả thấp nhất phải bằng giá khởi điểm của vòng đấu, vòng đấu đó là vòng đấu cuối cùng; người trả giá cao nhất đó là người mua được hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá. Trong trường hợp những người này từ chối tiếp tục tham gia trả giá, thì người điều hành cuộc bán đấu giá tổ chức việc rút thăm giữa những người đó và công bố người rút trúng thăm là người mua được hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá.

Cuộc đấu giá kết thúc khi người điều hành cuộc bán đấu giá công bố người mua được hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá, hoặc khi công bố cuộc đấu giá hàng dự trữ quốc gia không thành do không có người nào trả giá cao hơn hoặc bằng giá khởi điểm.

2. Địa điểm tổ chức cuộc bán đấu giá:

a) Trường hợp bán đấu giá do Tổ chức có chức năng bán đấu giá thực hiện, địa điểm tổ chức cuộc bán đấu giá do Dự trữ quốc gia khu vực thỏa thuận với Tổ chức đó;

b) Trường hợp bán đấu giá do Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia thực hiện, thì địa điểm bán đấu giá tại trụ sở văn phòng Dự trữ quốc gia khu vực hoặc văn phòng Tổng kho dự trữ nơi có hàng dự trữ quốc gia xuất bán.

3. Thời hạn tổ chức mở cuộc bán đấu giá:

a) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá, Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản được ủy quyền phải tổ chức cuộc bán đấu giá;

b) Tối thiểu sau 3 ngày kể từ ngày Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia niêm yết việc bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia có giá trị dưới 10 triệu đồng. Trường hợp, một đơn vị tài sản là hàng dự trữ quốc gia có giá khởi điểm từ 10 triệu đồng trở lên, thời hạn tổ chức mở cuộc bán đấu giá tối thiểu sau 7 ngày kể từ ngày đăng thông báo bán đấu giá trên phương tiện thông tin đại chúng.

4. Thành phần tham dự cuộc bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia gồm:

a) Thành viên của Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản được ủy quyền (trường hợp tổ chức bán đấu giá tại Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản); thành viên của Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia (trường hợp tổ chức bán đấu giá tại Dự trữ quốc gia khu vực);

b) Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá: chỉ được phép cử một đại diện hoặc người được ủy quyền bằng văn bản phù hợp với tên tổ chức, cá nhân đã đăng ký vào phòng đấu giá. Người đại diện phải xuất trình giấy giới thiệu, chứng minh thư, giấy ủy quyền (đối với người được ủy quyền) và là người có đủ thẩm quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến đấu giá;

c) Người tham gia đấu giá không được mang các phương tiện thông tin liên lạc (điện thoại di động, máy vi tính, máy fax) vào trong phòng đấu giá. Người tham gia đấu giá nếu không tuân thủ quy định trên sẽ được mời ra khỏi phòng đấu giá, đồng thời không được tham gia cuộc bán đấu giá này.

Điều 10. Niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá

Người bán đấu giá theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia theo đúng quy định tại Điều 12 Nghị định số

05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 05/2005/NĐ-CP).

Điều 11. Tổ chức xem hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xem hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá phải đăng ký với người bán đấu giá.

2. Thời gian xem hàng: Trước ngày mở cuộc bán đấu giá ít nhất là 2 ngày theo giờ làm việc hành chính.

3. Khi xem hàng, người đại diện cho tổ chức hoặc cá nhân đã đăng ký tham gia đấu giá phải tuân thủ sự chỉ dẫn của Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản được ủy quyền, Dự trữ quốc gia khu vực và lực lượng bảo vệ kho nơi có hàng dự trữ quốc gia xuất bán.

Điều 12. Khoản tiền đặt trước và xử lý khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá

1. Khoản tiền đặt trước:

Người đã đăng ký mua hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá phải nộp một khoản tiền đặt trước cho người bán đấu giá tài sản và không được tính lãi trong thời gian ký đặt. Mức tiền đặt trước của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá do người bán đấu giá tài sản quy định cụ thể nhưng tối đa không quá 5% giá khởi điểm của đơn

vị tài sản hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá.

Trường hợp, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá nhiều đơn vị tài sản hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá thì tổ chức, cá nhân đó phải nộp khoản tiền đặt trước bằng tổng số tiền đặt trước của từng đơn vị tài sản bán đấu giá đã được người bán đấu giá tài sản quy định.

2. Xử lý khoản tiền đặt trước:

a) Khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá được trừ vào tiền mua hàng dự trữ quốc gia nếu là người trúng đấu giá;

b) Trả lại khoản tiền đặt trước cho người tham gia đấu giá trong trường hợp sau:

- Trong thời hạn đăng ký, tổ chức, cá nhân có thể rút lại việc đăng ký mua hàng hóa dự trữ quốc gia bán đấu giá và được hoàn trả ngay khoản tiền đặt trước;

- Người tham gia đấu giá nhưng không trúng đấu giá.

c) Khoản tiền đặt trước thuộc về Dự trữ quốc gia khu vực và được nộp vào Ngân sách Nhà nước trong các trường hợp sau đây:

- Người bán đấu giá đã quy định về việc người tham gia đấu giá phải trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm nhưng người

tham gia đấu giá trả giá thấp hơn giá khởi điểm;

- Rút lại giá đã trả trong trường hợp quy định tại Điều 20 của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP;

- Từ chối mua tài sản bán đấu giá trong trường hợp quy định tại Điều 21 của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP;

- Người mua được hàng dự trữ quốc gia không ký hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá hoặc không thanh toán đủ tiền mua hàng trong thời hạn quy định;

- Trường hợp người đăng ký mua tài sản bán đấu giá đã nộp một khoản tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc bán đấu giá thì khoản tiền đặt trước đó thuộc về người có tài sản và nộp Ngân sách Nhà nước.

d) Khoản tiền đặt trước thuộc về người bán đấu giá trong trường hợp người tham gia đấu giá có hành vi phá rối, cản trở cuộc bán đấu giá hoặc liên kết, thông đồng, dìm giá tài sản bán đấu giá và bị tước quyền tham gia đấu giá tài sản.

Điều 13. Biên bản bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia

1. Biên bản bán đấu giá tài sản là hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá gồm những nội dung: Thành phần tham dự cuộc bán đấu giá; mã số của đơn vị tài sản bán đấu giá; danh mục, chủng loại, ký mã hiệu,

quy cách, số lượng, chất lượng, địa điểm để hàng, thời gian nhập kho; giá khởi điểm và diễn biến cụ thể của từng vòng đấu giá của cuộc bán đấu giá tài sản; có chữ ký của người điều hành cuộc bán đấu giá tài sản, người ghi biên bản và đại diện của những người tham gia đấu giá.

2. Sau khi kết thúc cuộc bán đấu giá, người bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia có văn bản gửi Giám đốc Dự trữ quốc gia khu vực. Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả của người bán đấu giá, Giám đốc Dự trữ quốc gia khu vực có báo cáo bằng văn bản về kết quả bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia gửi Cục Dự trữ quốc gia.

Điều 14. Bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia trong trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá, nếu một đơn vị tài sản là hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá chỉ có một tổ chức hoặc một cá nhân đăng ký tham gia đấu giá và trả giá cao hơn hoặc bằng giá khởi điểm thì Dự trữ quốc gia khu vực phải báo cáo người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này quyết định việc bán hay không bán hàng dự trữ quốc gia cho tổ chức hoặc cá nhân đó.

2. Thẩm quyền quyết định bán hàng dự trữ quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong trường hợp một đơn vị tài sản có giá khởi điểm từ 5 tỷ đồng trở lên;

b) Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia quyết định trong trường hợp một đơn vị tài sản có giá khởi điểm từ 1 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính;

c) Giám đốc Dự trữ quốc gia khu vực quyết định trong trường hợp một đơn vị tài sản có giá khởi điểm dưới 1 tỷ đồng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình, đồng thời báo cáo Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia.

Điều 15. Ký hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá

1. Trường hợp bán đấu giá do Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản được ủy quyền thực hiện:

Căn cứ biên bản cuộc bán đấu giá, Thủ trưởng Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản được ủy quyền ký hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá với tổ chức, cá nhân mua được hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá theo đúng quy định của pháp luật.

Nội dung của Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá thực hiện theo mẫu số 04 Thông tư số 03/2005/TT-BTP ngày 04/5/2005 của Bộ Tư pháp hướng

dẫn một số quy định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP của Chính phủ về bán đấu giá tài sản (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2005/TT-BTP).

2. Trường hợp cuộc bán đấu giá do Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia thực hiện:

Căn cứ biên bản cuộc bán đấu giá, Giám đốc Dự trữ quốc gia khu vực (hoặc người được ủy quyền) ký hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá với tổ chức, cá nhân mua được hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá theo đúng quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày biên bản bán đấu giá tài sản được lập, Thủ trưởng Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản được ủy quyền (trong trường hợp bán đấu giá tại Tổ chức có chức năng bán đấu giá được ủy quyền), Giám đốc Dự trữ quốc gia khu vực (hoặc người được ủy quyền trong trường hợp bán đấu giá tại Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia) và tổ chức hoặc cá nhân mua được hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá phải ký Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá. Quá thời hạn trên, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không ký hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá sẽ bị coi là từ chối mua hàng và không được nhận lại khoản tiền đặt trước.

Điều 16. Hủy kết quả bán đấu giá tài sản

Việc hủy kết quả bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 05/2005/NĐ-CP và điểm 7 Thông tư số 03/2005/TT-BTP.

Điều 17. Tổ chức bán đấu giá lại

Trong trường hợp cuộc bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia không thành, Dự trữ quốc gia khu vực phân tích, xác định nguyên nhân và kiến nghị giải pháp báo cáo Cục Dự trữ quốc gia xem xét, quyết định tiến hành tổ chức đấu giá lại.

Việc tổ chức đấu giá lại được tiến hành theo thủ tục như đối với việc bán đấu giá tài sản lần đầu.

Điều 18. Thời hạn, phương thức thanh toán tiền bán đấu giá

1. Thời hạn thanh toán:

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký kết Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá hoặc Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản được ủy quyền (được ghi trong hợp đồng ủy quyền bán đấu giá) phải thanh toán đủ tiền mua hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá (bao gồm cả khoản tiền đặt trước) vào tài khoản của Dự trữ quốc gia khu vực mở tại Kho bạc Nhà nước. Nếu quá thời hạn nêu trên, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không thanh toán đủ

tiền mua hàng thì bị coi là từ chối mua hàng và không được nhận lại khoản tiền đặt trước.

Dự trữ quốc gia khu vực chỉ thực hiện việc xuất hàng cho tổ chức, cá nhân mua được hàng dự trữ quốc gia sau khi đã nhận đủ tiền bán hàng.

Kết thúc quá trình giao nhận, căn cứ đơn giá của một đơn vị tài sản trúng đấu giá và biên bản giao nhận hàng, Dự trữ quốc gia khu vực và tổ chức, cá nhân mua được tài sản bán đấu giá hoặc Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản được ủy quyền thanh toán số tiền chênh lệch do dôi thừa hoặc thiếu so với số lượng hàng đã ghi trong hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá (nếu phát sinh).

2. Đồng tiền thanh toán, phương thức thanh toán:

a) Đồng tiền thanh toán là Việt Nam đồng (VNĐ);

b) Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc bằng chuyển khoản.

Điều 19. Thời hạn, địa điểm giao, nhận hàng

1. Thời hạn giao, nhận hàng được tính từ ngày Dự trữ quốc gia khu vực nhận đủ tiền bán hàng, hợp đồng có hiệu lực nhưng tối đa không quá 30 ngày.

2. Địa điểm giao, nhận hàng:

Hàng được giao, nhận trên phương tiện vận chuyển của người mua tại cửa kho của Dự trữ quốc gia khu vực nơi có hàng dự trữ quốc gia xuất bán.

Điều 20. Hồ sơ, thủ tục xuất kho

Dự trữ quốc gia khu vực phải thực hiện đầy đủ các thủ tục, lập hóa đơn chứng từ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và các quy định của Bộ Tài chính về quản lý hàng dự trữ quốc gia.

Điều 21. Chi phí đấu giá

1. Chi phí để tổ chức bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia, Dự trữ quốc gia khu vực được sử dụng từ nguồn kinh phí sau đây:

a) Dự toán chi ngân sách Nhà nước hàng năm đã giao;

b) Tiền thu từ bán hồ sơ đấu giá trong trường hợp việc bán đấu giá do Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia thực hiện.

2. Nội dung thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá:

Nội dung chi phí, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, Dự trữ quốc gia khu vực thực hiện theo đúng quy định tại Mục III Thông tư số 96/2006/TT-BTC.

3. Mức thanh toán phí đấu giá:

a) Mức thanh toán chi phí đấu giá cho

Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản được ủy quyền:

- Khi cuộc bán đấu giá thành, Dự trữ quốc gia khu vực thực hiện việc thanh toán chi phí đấu giá cho Tổ chức có chức năng bán đấu giá được ủy quyền theo đúng quy định tại Mục II Thông tư số 96/2006/TT-BTC;

- Khi cuộc bán đấu giá không thành, Dự trữ quốc gia khu vực thanh toán cho Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản được ủy quyền các chi phí thực tế, hợp lý theo thỏa thuận giữa hai bên.

b) Chi phí thuê thẩm định hoặc định giá để làm cơ sở lập phương án giá; chi thuê đấu giá viên để điều hành cuộc bán đấu giá hoặc giám sát người điều hành cuộc bán đấu giá (nếu có): thực hiện theo thực tế phát sinh theo hợp đồng.

c) Chi cho Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia thực hiện các mục chi theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này theo tiêu chuẩn, chế độ chi tài chính hiện hành.

Đối với các nội dung chi nhưng không có mức chi cụ thể thì Dự trữ quốc gia khu vực được phép chi theo thực tế phát sinh, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và chịu trách nhiệm về việc quyết định chi tiêu của mình.

4. Việc thanh toán chi phí bán đấu giá

phải có đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ, đúng chế độ quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 22. Ký kết Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia với Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản

1. Giám đốc Dự trữ quốc gia khu vực (hoặc người được ủy quyền) trực tiếp ký kết Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản với người đứng đầu của Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về bán đấu giá tài sản.

Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện việc bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia theo đúng quy định tại Quy chế này và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về bán đấu giá tài sản.

2. Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá theo quy định tại Mẫu số 02 của Thông tư số 03/2005/TT-BTP, bao gồm một số nội dung chủ yếu sau:

a) Tài sản bán đấu giá;

b) Giá khởi điểm, bước giá và khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá tài sản bán đấu giá;

c) Hình thức đấu giá, thời hạn, địa điểm tổ chức cuộc bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia;

d) Thời hạn ký kết hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Quy chế này;

đ) Bàn giao hàng dự trữ quốc gia để tổ chức bán đấu giá.

Dự trữ quốc gia khu vực chỉ được bàn giao bản sao y bản chính các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến hàng dự trữ quốc gia xuất bán cho Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản được ủy quyền (theo mẫu số 01 Thông tư số 03/2005/TT-BTP). Về hiện vật, Dự trữ quốc gia khu vực phải trực tiếp quản lý trong kho dự trữ;

e) Thời hạn và phương thức thanh toán tiền bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia trong trường hợp cuộc bán đấu giá thành: Thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này;

i) Kiểm tra, giám sát thực hiện việc bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia;

Dự trữ quốc gia khu vực được quyền yêu cầu Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản được ủy quyền phải thông báo kịp thời, đầy đủ các thông tin về việc thực hiện các công việc được ủy quyền trong hợp đồng đã ký kết; được cử đại diện chứng kiến cuộc bán đấu giá tài sản.

Điều 23. Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia của Dự trữ quốc gia khu vực

1. Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia do Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia quyết định thành lập.

2. Thành phần Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia gồm:

a) Đại diện Lãnh đạo Dự trữ quốc gia khu vực làm Chủ tịch Hội đồng;

b) Các thành viên:

- Đại diện Lãnh đạo các phòng của Dự trữ quốc gia khu vực;

- Đại diện cơ quan Tài chính địa phương cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia, cụ thể như sau:

a) Xây dựng kế hoạch bán đấu giá trình Giám đốc Dự trữ quốc gia khu vực phê duyệt;

b) Xây dựng, trình Giám đốc Dự trữ quốc gia khu vực ban hành quy chế bán đấu giá cụ thể cho từng cuộc bán đấu giá phù hợp với từng loại hàng xuất bán;

c) Niêm yết, thông báo việc bán đấu giá;

d) Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu bán đấu giá;

đ) Tổ chức cuộc bán đấu giá.

Điều 24. Xử lý tranh chấp, khiếu nại

1. Trong trường hợp các bên tham gia

đấu giá có tranh chấp thì xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Việc giải quyết khiếu nại thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của Luật khiếu nại tố cáo.

Người bán đấu giá tài sản, người có tài sản bán đấu giá không chịu trách nhiệm đối với các khiếu nại về chất lượng của hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá mà người trúng đấu giá đã đồng ý mua.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra các đơn vị thuộc và trực thuộc thực hiện Quy chế này;

b) Ban hành mẫu hồ sơ để các Dự trữ quốc gia khu vực thống nhất thực hiện khi bán hàng tại Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia của đơn vị.

2. Giám đốc Dự trữ quốc gia khu vực chịu trách nhiệm:

Tổ chức thực hiện bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Quy chế này. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện bán hàng dự trữ quốc gia.

Căn cứ vào quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản hiện hành và quy định tại quy chế này, Hội đồng bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia ban hành quy chế cụ thể cho mỗi cuộc bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia do Hội đồng thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Dự trữ quốc gia khu vực kịp thời phản ánh về Cục Dự trữ quốc gia để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Sỹ Danh